TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 7 - 2017
V/v tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn

2. Ông Mai Văn Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Mai Sương- Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L. Sinh năm: 1995

Trú tại: Đường C, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng- Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H. Sinh năm: 1991

Trú tại: Đường C, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2018, bản trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, quận N, TP. Đà Nẵng, hôn nhân tự

nguyện. Sau khi cưới vợ chồng bà sống tại đường C, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018, tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thường chửi bới, đánh đập bà.

Hiện nay, tình cảm của hai bên không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn văn H.

- Về quan hệ con chung: Bà xác nhận, vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Phạm Thanh T, sinh ngày 06/8/2016. Ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Bà xác nhận không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông xác nhận với bà L về thời gian kết hôn và thời điểm chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Theo ông, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường cải vã nhau nên bà L làm đơn xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn, vì hiện nay con còn quá nhỏ.

- Về quan hệ con chung: Ông xác nhận, vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Phạm Thanh T, sinh ngày 06/8/2016. Nếu ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông xác nhận không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông xác nhận không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn là ông Nguyễn Văn H đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ các Điều 35; Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của bà Phạm Thị L đối với ông Nguyễn Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao con Nguyễn Phạm Thanh Thảo, sinh ngày 06/8/2016 cho bà Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị L nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong qúa trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là đôi hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống với nhau đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo khai nại của bà L thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thường chửi bới, đánh đập bà.

Còn theo lời khai của ông H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do là do vợ chồng thường cải vã nhau; tuy nhiên hiện nay con còn quá nhỏ nên bà L xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, cả hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn trách nhiệm gì với nhau.

Tại phiên tòa, bà L cương quyết xin được ly hôn ông H, còn ông H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H theo quy định của pháp luật.

Việc ông H không đồng ý ly hôn nhưng qua lời khai ông H cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng thường cải vã nhau.

Ông H không đồng ý ly hôn nhưng bản thân cũng không đưa ra được biện pháp gì nhằm khắc phục được sự mâu thuẫn để có sức thuyết phục, níu kéo bà L trở lại hàn gắn hạnh phúc gia đình để nuôi dạy con cái trưởng thành. Vì vậy, Hội đồng xét xử cũng không có cơ sở để bảo vệ cho ông H được.

Qua điều tra, xác minh tại địa phương cho thấy bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau tại địa phương đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, sau đó bà L bỏ đi không sống tại đương C cùng ông H.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn H thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận cho bà Phạm Thị L được ly hôn ông Nguyễn Văn H để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng bà L ông H và có 01 con chung Nguyễn Phạm Thanh Thảo, sinh ngày 06/8/2016. Ly hôn, bà L có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000; còn ông H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Ở đây cháu Thanh Thảo hiện đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, là con gái nên cuộc sống của cháu cần có sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc nuôi dưỡng của mẹ đối với con. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Nguyễn Phạm Thanh Thảo cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa bà L yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu Thảo mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của bà L về việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông H là phù hợp với khoản 2 điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung: Bà L và ông H xác nhận không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Về nợ chung: Bà L và ông H xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Phạm Thị L phải chịu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng, ông Nguyễn Văn H phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị L đối với ông Nguyễn Văn H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Phạm Thanh T, sinh ngày 06/8/2016 cho bà Phạm Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 13/7/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Phạm Thị L phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0001550 ngày 22/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

5. Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng, ông Nguyễn Văn H phải chịu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường M, quận N;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lâm